

CÂU HỎI ÔN TẬP

Phần trắc nghiệm khách quan. Chọn câu trả lời đúng nhất .

Câu 1: Trong các hiện tượng dưới đây, hiện tượng nào là tâm lí?

- a. Thần kinh căng thẳng như dây đàn sắp đứt.
- b. Tim đập như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.
- c. Ăn, ngủ đều kém.
- d. Bồn chồn như có hẹn với ai.

Câu 2: Tâm lí người là:

- a. Do một lực lượng siêu nhiên nào đó sinh ra.
- b. Do não sản sinh ra, tương tự như gan tiết ra mật.
- c. Sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người, thông qua lăng kính chủ quan.
- d. Cả a, b, c.

Câu 3: Muốn biết tâm lí của con người, chủ thể cần nhìn vào “con mắt của người ấy”. Điều đó đúng hay sai?

- a. Điều đó đúng.
- b. Điều đó sai.
- c. Có khi đúng, có khi sai.
- d. Không có phương án trả lời.

Câu 4: Hiện tượng nào dưới đây cho thấy tâm lí tác động đến sinh lý?

- a. Lo lắng đến mất ngủ.
- b. Mệt mỏi không minh mẫn.
- c. Mất kém tri giác kém .
- d. Ăn uống đầy đủ giúp cơ thể khỏe mạnh.

Câu 5: Hiện tượng nào dưới đây cho thấy sinh lý có ảnh hưởng rõ rệt đến tâm lí ?

- a. Tuyến nội tiết làm thay đổi tâm trạng.
- b. Lạnh làm run người.
- c. Buồn rầu làm ngưng trệ tiêu hóa .
- d. Thẹn làm đỏ mặt.

Câu 6: Hiện tượng sinh lí và hiện tượng tâm lí thường:

- a. Diễn ra song song trong não
- b. Đồng nhất với nhau
- c. Có quan hệ chặt chẽ với nhau
- d. Có quan hệ chặt chẽ với nhau, tâm lí có cơ sở vật chất là não bộ

Câu 7: Tâm lí người có nguồn gốc từ:

- a. Não người.
- b. Hoạt động của cá nhân.
- c. Thế giới khách quan.
- d. Giao tiếp của cá nhân.

Câu 8: Tâm lí người khác xa tâm lí của động vật cấp cao ở luận điểm nào dưới đây:

- a. Tâm lí người là kết quả của quá trình phản ánh hiện thực khách quan
- b. Tâm lí người có tính chủ thể
- c. Tâm lí người mang tính bản năng
- d. Tâm lí người có bản chất xã hội và mang tính lịch sử

Câu 9: Những đứa trẻ do động vật nuôi từ nhỏ không có được tâm lí người vì

- a. Các mối quan hệ xã hội quy định bản chất tâm lí người.
- b. Môi trường sống quy định bản chất tâm lí người.
- c. Các dạng hoạt động và giao tiếp quy định trực tiếp sự hình thành tâm lí người.
- d. Cả a, b, c

Câu 10: Nhân tố tâm lí giữ vai trò cơ bản, có tính quy định trong hoạt động của con người, vì:

- a. Tâm lí có chức năng định hướng cho hoạt động con người.
- b. Tâm lí điều khiển, kiểm tra và điều chỉnh hoạt động của con người.
- c. Tâm lí là động lực thúc đẩy con người hoạt động.
- d. Cả a, b, c.

Câu 11: Điều không phải là chức năng của các hiện tượng tâm lí người?

- a. Định hướng hoạt động
- b. Điều chỉnh hoạt động
- c. Điều khiển hoạt động
- d. Dự đoán hoạt động

12: Điều kiện cần và đủ để có hiện tượng tâm lí người là:

- a. Có thể giới khách quan và não.
- b. Thế giới khách quan tác động vào não.
- c. Não hoạt động bình thường.
- d. Thế giới khách quan tác động vào não và não hoạt động bình thường.

Câu 13: Phản ánh tâm lí người là một loại phản ánh đặc biệt vì:

- a. Hình ảnh tâm lí là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người.
- a. Hình ảnh tâm lí là bản sao chép về thế giới khách quan.
- b. Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động, sáng tạo.
- c. Hình ảnh tâm lí là dấu vết của thế giới khách quan.

Câu 14: Trong các ý dưới đây, ý nào không phải là cơ sở sinh lí thần kinh của hiện tượng tâm lí cấp cao của người?

- a. Các phản xạ có điều kiện.
- b. Các phản xạ không điều kiện.
- c. Các quá trình hưng phấn và ức chế thần kinh.
- d. Hoạt động của các trung khu thần kinh.

Câu 15: Khách du lịch đến từ nhiều vùng miền khác nhau, dân tộc khác nhau (Châu Âu, châu Á ...) theo tôn giáo và sở thích, văn hóa khác nhau. Vậy người phục vụ bàn ăn luôn phải quan sát và tìm hiểu để có được cách ứng xử phù hợp là ứng dụng bản chất nào của tâm lí con

người?

- a. Tính chủ thể
- b. Tính khách thể
- c. Tính xã hội – lịch sử
- d. Tất cả đáp án trên

Câu 16: Hình ảnh tâm lí mang tính chủ thể được cắt nghĩa bởi:

- a. Sự khác nhau về môi trường sống của cá nhân.
- b. Sự phong phú của các mối quan hệ xã hội.
- c. Những đặc điểm riêng về hệ thần kinh, hoàn cảnh sống và tính tích cực hoạt động của cá nhân.
- d. Tính tích cực hoạt động của cá nhân khác nhau.

Câu 17: Hiện tượng nào dưới đây là trạng thái tâm lí?

- a. Lành lạnh
- b. Căng thẳng
- c. Nhạy cảm
- d. Yêu đời

Câu 18: Trong các tình huống dưới đây, đâu là quá trình tâm lí?

- a. Mình thoáng thấy một vật gì đó đỏ lóe qua
- b. Cô ta do dự trước quyết định học thêm Pháp văn hay không?
- c. Chị ấy luôn thích thú học môn thể dục thẩm mỹ
- d. Tôi chăm chú nghe giảng bài

Câu 19 : Những hiện tượng dưới đây, hiện tượng nào là thuộc tính tâm lí?

- a. Nghe và nghĩ về những điều thầy giảng
- b. Chăm chú ghi chép bài
- c. Trung thực, không quay cóp khi làm bài thi
- d. Giải bài tập

Câu 20: Một học sinh chưa bao giờ bỏ dở công việc giáo viên giao về nhà. Khi giải bài tập, sau lần thất bại thứ nhất đã cố gắng giải tiếp lần thứ 2, thứ 3 cho đến khi nào làm xong bài mới thôi. Hãy xác định loại hiện tượng tâm lý đã được mô tả trên đây:

- a. Quá trình tâm lý
- b. Trạng thái tâm lý
- c. Thuộc tính tâm lý
- d. Tất cả các đáp án trên

Câu 21: Các hiện tượng tâm lí diễn ra trong thời gian tương đối dài, không có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng là những đặc trưng của hiện tượng tâm lý nào:

- a. Quá trình tâm lý b. Trạng thái tâm lý
- c. Thuộc tính tâm lý d. Không có đủ cơ sở để xác định rõ ràng

Câu 22: Thuộc tính tâm lí là những hiện tượng tâm lí:

- a. Không thay đổi
- b. Thay đổi theo thời gian
- c. Tương đối ổn định và bền vững
- d. Tính bền vững và bất biến

Câu 23: Hiện tượng nào dưới đây là ý thức:

- a. Trên lớp, một học sinh làm tính nhân một cách nhanh chóng và chính xác mà không hề nhớ tới các qui tắc của phép nhân.
- b. Một học sinh quyết định thi vào trường Sư phạm và giải thích rằng vì em đó rất yêu trẻ.
- c. Một đứa trẻ khỏe mạnh thì ngay sau khi sinh đã nắm chặt ngón tay của người lớn hoặc cái bút chì nếu những vật đó chạm vào lòng bàn tay nó.
- d. Hôm nay, khi uống rượu say Minh đã nói ra nhiều điều tâm sự mà trước đây chính Minh còn rất mơ hồ.

Câu 24: Lựa chọn hiện tượng tâm lý mô tả chính xác nhất hành vi của Minh trong trường hợp sau: Khi học online, mặc dù giảng viên đã nhắc nhở nhưng Minh vẫn cố tình bật mic ngay cả khi không phát biểu xây dựng bài học.

- a. Có ý thức
- b. Vô thức
- c. Tiềm thức
- d. Vô ý thức

Câu 25: Chú ý là sự tập trung của ý thức vào một nhóm sự vật hiện tượng để định hướng hoạt động, đảm bảo điều kiện thần kinh - tâm lý cần thiết cho hoạt động tiến hành có hiệu quả. Các thuộc tính cơ bản của chú ý gồm:

- a. Sự tập trung của chú ý, sự bền bỉ của chú ý, sự phân tán chú ý và sự di chuyển chú ý
- b. Sức tập trung của chú ý, sự bền vững của chú ý, sự phân tán chú ý và sự di chuyển chú ý
- c. Sức tập trung của chú ý, sự bền vững của chú ý, sự phân phối chú ý và sự di chuyển chú ý
- d. Sự tập trung của chú ý, sự bền bỉ của chú ý, sự phân phối chú ý và sự di chuyển chú ý

Câu 26: Hãy chỉ ra điều kiện nào là cần thiết để làm nảy sinh và duy trì sự chú ý có chủ định trong các ý dưới đây:

- a. Độ mới lạ của kích thích
- b. Sự tương phản của tác nhân kích thích
- c. Sử dụng các tâm thế đang có ở chủ thể
- d. Xác định nhiệm vụ cần thực hiện để đạt mục đích tự giác

Câu 27: Thầy giáo giảng bài hấp dẫn sự chú ý của học sinh đến mức không một em nào nghe thấy tiếng chuông báo hết giờ học. Trường hợp trên đã nói đến thuộc tính nào của chú ý?

- a. Sức tập trung chú ý
- b. Sự bền vững của chú ý
- c. Sự phân phối chú ý
- d. Sự di chuyển chú ý

Câu 28: Có những ý kiến cho rằng: “Một người có chú ý là người trong khi nói chuyện anh ta vẫn nhìn và nghe tất cả những gì xảy ra xung quanh mình”. Ý kiến trên đã đề cập đến thuộc tính nào của chú ý?

- a. Sự di chuyển chú ý
- b. Sự tập trung chú ý
- c. Sự phân phối chú ý
- d. Sự phân tán chú ý

Câu 29: Để làm tốt bài tập tiểu luận môn Tâm lý học ứng dụng Hoa buộc phải tìm đọc cuốn sách “**Tư duy nhanh và chậm**” của Daniel Kahneman. Tuy nhiên, mới chỉ đọc được vài chục trang, Hoa đã bị cuốn hút vào đọc sách tới mức quên ăn, quên ngủ. Hiện tượng đọc sách của Hoa thể hiện loại chú ý nào dưới đây?

- a. Chú ý có sự chủ động
- b. Chú ý sau chủ động
- c. Chú ý có chủ định
- d. Chú ý sau chủ định

Câu 30: Các nhà quảng cáo thường dùng những tấm biển khổ lớn với màu sắc nổi bật đặt tại những nơi đông người qua lại là nhằm vào loại chú ý nào của con người?

- a. Chú ý không chủ định
- b. Chú ý có chủ định
- c. Chú ý không có ý thức
- d. Chú ý có ý thức

Câu 31: Để học tập và làm việc hiệu quả, các chuyên gia tâm lý khuyên mọi người nên sắp xếp chỗ ngồi gọn gàng ngăn nắp ít đồ vật lạ nhằm tránh:

- a. Sự di chuyển chú ý
- b. Sự tập trung chú ý
- c. Sự phân phối chú ý
- d. Sự phân tán chú ý

Câu 32: Trong quảng cáo sản phẩm mới để thu hút sự chú ý của người dùng đến sản phẩm, các nhà thiết kế quảng cáo thường quan tâm đến yếu tố nào dưới đây:

- a. Độ tinh xảo của sản phẩm
- b. Độ mới lạ, độc đáo
- c. Độ thông dụng của sản phẩm
- d. Độ đặc biệt của sản phẩm

Câu 33: Loại chú ý nào dưới đây không cần sự nỗ lực của bản thân?

- a. Chú ý sau khi có chủ định
- b. Chú ý trong khi có chủ định
- c. Chú ý không chủ định
- d. Chú ý thiếu chủ định

Câu 34: Để đạt hiệu suất lao động, nâng cao chất lượng làm việc, con người cần có phẩm chất chú ý quan trọng nào trong những phẩm chất sau đây?

- a. Tính bền vững của chú ý
- b. Tính tập trung của chú ý
- c. Tính phân phối của chú ý
- d. Tính di chuyển của chú ý

Câu 35: Trong câu chuyện lịch sử anh hùng dân tộc Phạm Ngũ Lão ngồi đan sọt giữa đường vì mải nghĩ việc nước mà không hề biết có đám lính dẹp đường đi qua. Đến khi bị anh lính xiên mũi giáo vào đùi làm chảy máu, ông mới giật mình ngẩng lên nhìn. Hình ảnh Phạm Ngũ Lão trong câu chuyện minh họa cho thuộc tính nào của sự chú ý?

- a. Sức tập trung chú ý
- b. Sự bền vững của chú ý
- c. Sự phân phối chú ý
- d. Sự di chuyển chú ý

Câu 36: Trong trưng bày sản phẩm / hàng hóa tại siêu thị (cửa hàng) người kinh doanh đã áp dụng cách bày hàng hóa như : các điểm giao của lối đi chính hoặc tại quầy thu ngân thường bày một số hàng hóa mới, hàng dễ tiêu thụ. Hiện tượng tâm lý ứng dụng trên được gọi là gì?

- a. Chú ý sau chủ định
- b. Chú ý trước chủ định
- c. Chú ý không chủ định
- d. Chú ý có chủ định

Câu 37: Đối tượng của trí nhớ được thể hiện đầy đủ nhất trong luận điểm nào?

- a. Các thuộc tính bên ngoài, các mối liên hệ không gian, thời gian của thế giới mà con người đã tri giác.
- b. Các cảm xúc, tình cảm, thái độ mà con người đã trải qua.
- c. Kinh nghiệm của con người.
- d. Các kết quả mà con người tạo ra trong tư duy, tưởng tượng.

Câu 38: Tiêu chí để phân loại trí nhớ thành trí nhớ ngắn hạn, trí nhớ dài hạn và trí nhớ thao tác là:

- a. Mức độ kéo dài của sự giữ gìn tài liệu đối với hoạt động
- b. Tính chất của tính tích cực tâm lý nổi bật nhất trong một hoạt động nào đó
- b. Tính chất mục đích của hoạt động
- c. Giác quan đóng vai trò chủ đạo trong trí nhớ.

Câu 39: Bộ nhớ nào có khả năng lưu giữ thông tin gần như không giới hạn?

- a. Trí nhớ giác quan
- b. Trí nhớ ngắn hạn
- c. Trí nhớ dài hạn
- d. Tất cả các bộ nhớ

Câu 40: Khi bạn ở trong một cuộc hội thoại tiếng Anh, bạn sẽ cần nhớ đủ nội dung của mỗi câu để hiểu những gì họ nói và quyết định cách trả lời tốt nhất. Những câu hội thoại tiếng Anh được lưu giữ chủ yếu tại:

- a. Trí nhớ giác quan b. Trí nhớ ngắn hạn
- c. Trí nhớ dài hạn d. Tất cả bộ nhớ

Câu 41: Phát biểu nào không là đặc trưng của trí nhớ dài hạn?

- a. Những ký ức được truy cập thường xuyên trở nên mạnh mẽ hơn và dễ nhớ hơn
- b. Các trải nghiệm được lưu giữ ở trạng thái cố định vĩnh viễn
- c. Trí nhớ dài hạn có khả năng lưu giữ thông tin gần như không giới hạn
- d. Các ký ức dài hạn được kích hoạt lại và diễn tập trong giấc ngủ.

Câu 42: Theo mô hình của Baddeley và Hitch (1974), trí nhớ làm việc là sự diễn giải rõ hơn bộ nhớ nào dưới đây:

- a. Trí nhớ giác quan b. Trí nhớ ngắn hạn
- c. Trí nhớ dài hạn d. Tất cả bộ nhớ

Câu 43: Khi bạn vừa nghe được một số điện thoại và bạn liên tục nhắm đi nhắm lại nó để tìm bút ghi lại số điện thoại đó. Số điện thoại ấy được lưu giữ chủ yếu tại:

- a. Trí nhớ giác quan
- b. Trí nhớ ngắn hạn
- c. Trí nhớ dài hạn
- d. Tất cả bộ nhớ

Câu 44: Một học sinh đang trả lời câu hỏi về bộ môn lịch sử sử được giao từ tuần trước và đã nhớ lại được 70% nội dung trong sách giáo khoa. Sau một tháng trả lời cùng câu hỏi đó nhưng chỉ nhớ được 45% tài liệu. Hãy xác định xem quá trình nào của trí nhớ được thể hiện trong một hành động được mô tả trên đây?

- a. Quá trình giữ gìn
- b. Quá trình nhớ lại
- c. Quá trình ghi nhớ
- d. Sự quên

Câu 45: Trong một buổi kiểm tra môn toán, một học sinh rất lâu không nhớ được công thức cần thiết. Giáo viên chỉ cần nhắc một phần công thức là đủ để em đó xác định ngay “Đó là hằng đẳng thức đáng nhớ”

- a. Quá trình nhớ lại
- b. Quá trình giữ gìn
- c. Quá trình ghi nhớ
- d. Sự quên

Câu 46: Nhận thức cảm tính là một quá trình phản ánh những thuộc tính như thế nào của sự vật và hiện tượng?

- a. Mọi liên hệ có tính bản chất b. Mọi liên hệ có tính quy luật
- c. Thuộc tính bên trong, khái quát d. Thuộc tính bề ngoài, cụ thể

Câu 47: Tri giác là một quá trình phản ánh những thuộc tính như thế nào của sự vật và hiện tượng?

- a. Mọi liên hệ mang tính bản chất
- b. Mọi liên hệ mang tính quy luật
- c. Từng thuộc tính riêng lẻ bề ngoài
- d. Trọn vẹn các thuộc tính bề ngoài

Câu 48: Đặc điểm thể hiện sự khác biệt căn bản của tri giác so với cảm giác là:

- a. Phản ánh từng thuộc tính bên ngoài của sự vật, hiện tượng.
- b. Phản ánh trọn vẹn các thuộc tính bề ngoài.
- c. Sự phản ánh khi sự vật hiện tượng tác động trực tiếp vào giác quan.
- d. Sự phản ánh của chủ thể đối với thế giới bên ngoài.

Câu 49: Hiện tượng tâm lý nào sau đây sẽ xuất hiện khi con người phản ánh các thuộc tính riêng lẻ, bề ngoài của sự vật hiện tượng đang tác động trực tiếp vào giác quan của họ?

- a. Tư duy
- b. Tượng tượng
- b. Tri giác
- c. Cảm giác

Câu 50: Dựa vào cách phân loại nào, người ta chia tri giác của con người ra làm tri giác nhìn, tri giác nghe, tri giác ngửi, tri giác nếm, tri giác sờ mó?

- a. Tính mục đích khi tri giác
- b. Cơ quan phân tích tri giác
- c. Thuộc tính của đối tượng tri giác
- d. Đối tượng tri giác

Câu 51: “Hình ảnh trực quan mà tri giác đem lại bao giờ cũng thuộc về một sự vật hiện tượng nhất định nào đó của thế giới bên ngoài” là biểu hiện của quy luật tri giác nào?

- a. Tính đối tượng
- b. Tính lựa chọn
- c. Tính ý nghĩa
- d. Tính ổn định

Câu 52: Phản ánh một vài đối tượng nào đó trong vô số những sự vật, hiện tượng xung quanh là biểu hiện của quy luật tri giác nào?

- a. Tính lựa chọn
- b. Tính ý nghĩa
- c. Tính ổn định
- d. Tổng giác

Câu 53: Khả năng phản ánh sự vật một cách không đổi khi điều kiện tri giác bị thay đổi” là biểu hiện của quy luật tri giác nào?

- a. Tính ý nghĩa
- b. Tính ổn định
- c. Tổng giác
- d. Ảo ảnh tri giác

Câu 54: Sự phản ánh sai lệch các sự vật, hiện tượng một cách khách quan của con người” là biểu hiện của quy luật tri giác nào?

- a. Tính đối tượng
- b. Tính lựa chọn
- c. Tổng giác
- d. Ảo ảnh tri giác

Câu 55: Tri giác chịu ảnh hưởng nội dung của đời sống tâm lý con người, vào đặc điểm nhân cách của họ” là biểu hiện của quy luật tri giác nào?

- a. Tính ý nghĩa
- b. Tính ổn định
- c. Tổng giác
- d. Ảo giác

Câu 56: Luận điểm nào không đúng về hiện tượng ảo ảnh trong tri giác?

- a. Cho hình ảnh tri giác sai lệch về đối tượng.
- b. Không cần thiết trong đời sống con người.
- c. Phụ thuộc vào bối cảnh tri giác.
- d. ít xảy ra nhưng vẫn là quy luật.

Câu 57: Sau khi tiếp nhận kích thích, cơ quan thị giác đưa thông tin lên não bộ dưới dạng xung thần kinh nào sau đây?

- a. Sóng âm thanh
- b. Sóng ánh sáng
- c. Phản ứng hóa học
- d. Áp lực, nhiệt độ

Câu 58: Loại cảm giác nào thuộc nhóm cảm giác bên ngoài?

- a. Cảm giác vận động.
- b. Cảm giác nén.
- c. Cảm giác sờ mó.
- d. Cảm giác rung.

Câu 59: Cảm giác nào sau đây liên quan đến việc duy trì cân bằng?

- a. Cảm giác đau
- b. Cảm giác bên trong cơ thể
- c. Cảm giác thăng bằng
- d. Cảm giác vận động

Câu 60: Cách hiểu nào sau đây đúng với ngưỡng cảm giác?

- a. Ngưỡng cảm giác là giới hạn mà ở đó kích thích gây được cảm giác
- b. Mỗi giác quan ứng với một loại kích thích nhất định có ngưỡng cảm giác như nhau ở tất cả mọi người
- c. Ngưỡng cảm giác không thay đổi trong cuộc sống
- d. Tất cả đáp án trên

Câu 61: Ngưỡng cảm giác sai biệt được hiểu là

- a. Cường độ kích thích tối thiểu gây ra được cảm giác
- b. Cường độ kích thích tối đa gây ra được cảm giác
- c. Mức độ chênh lệch tối thiểu về cường độ kích thích để phân biệt được chúng
- d. Mức độ chênh lệch tối đa về cường độ kích thích để phân biệt được chúng

Câu 62: Khi ta đi từ chỗ sáng (cường độ kích thích mạnh) vào chỗ tối (cường độ kích thích yếu) lúc đầu ta chưa nhìn thấy rõ, sau vài giây (độ nhạy cảm thị giác tăng lên) mới nhìn thấy rõ hơn. Hiện tượng này là do độ nhạy cảm của cảm giác nhìn:

- a. Tăng độ nhạy cảm của cảm giác nhìn
- b. Giảm độ nhạy cảm của cảm giác nhìn
- c. Không thay đổi
- d. Tất cả đáp án trên

Câu 63: Các chỉ dẫn và ghi chú đầy đủ ở các thiết bị máy móc hoặc đồ dùng trong sinh hoạt được ứng dụng quy luật gì trong tri giác ?

- a. Quy luật lựa chọn
- b. Quy luật trọn vẹn
- c. Quy luật ý nghĩa
- d. Quy luật tính đối tượng

Câu 64: Hãy giải thích việc giáo viên dùng bút đỏ để chấm bài là ứng dụng qui luật nào của tri giác

- a. Quy luật tính lựa chọn
- b. Quy luật ảo ảnh tri giác
- c. Quy luật tính ý nghĩa
- d. Quy luật tính tổng giác

Câu 65: Các nhà thiết kế thời trang khuyên rằng: Với người gầy nên mặc trang phục có đường kẻ ngang và với những người béo nên chọn trang phục có họa tiết kẻ sọc hoặc kẻ dọc. Lời khuyên được đề xuất dựa trên quy luật nào của tri giác?

- a. Tính ổn định
- b. Tính có ý nghĩa
- c. Ảo ảnh tri giác
- d. Tổng giác

Câu 66: Ăn mãi một món dù ngon đến đâu cũng thấy bình thường. Đó là do quy luật nào của cảm giác quy định?

- a. Thích ứng
- b. Thích nghi
- c. Tác động qua lại
- d. Ngưỡng cảm giác

Câu 67. Để giảm thiểu cảm giác bị khô và mỏi mắt khi ngồi trước màn hình máy tính, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng khoảng cách thích hợp nhất từ mắt đến màn hình là 50 cm. Kết quả này phản ánh nhiều hơn đến quy luật nào của cảm giác?

- a. Quy luật ngưỡng cảm giác
- b. Quy luật thích ứng của cảm giác
- c. Quy luật về sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các cảm giác
- d. Tất cả các quy luật trên

Câu 68: Người kỹ sư khi thiết kế bộ phận chỉ báo có kim chỉ và bộ phận chỉ báo bằng đồng hồ phải chú ý đến: “Thời gian lộ sáng dưới 0.5 giây thì mặt số chuyển động, kim cố định sẽ giúp con người đọc chính xác; Thời gian lộ sáng trên 0.5 giây dẫn tới kim chuyển động, còn bảng chia độ mặt số cố định đứng yên là tốt hơn”. Ứng dụng trên thuộc quá trình nhận thức nào ?

- a. Cảm giác
- b. Tri giác
- c. Tư duy
- d. Tưởng tượng

Câu 69. Trong khi thuyết trình, diễn giả cần phải nói rõ ràng, ngắn gọn và âm lượng tới thính giả đủ nghe là 1000 HZ. Quy luật nào của cảm giác đã xuất hiện trong tình huống trên?

- a. Tác động qua lại của các cảm giác
- b. Ngưỡng cảm giác
- c. Thích ứng của cảm giác
- d. Không đủ thông tin để xác định

Câu 70: Hãy tìm màu phản tương phản nhất khi viết chữ, viết số trên bảng màu xanh, màu đen:

- a. Phần ghi
- b. Phần trắng**
- c. Phần đỏ
- d. Phần tím

Câu 71: Khi mất điện, lúc đầu bạn sẽ không nhìn thấy gì sau đó sẽ nhìn thấy mọi vật rõ hơn. Đó là quy luật nào của cảm giác?

- a. Tác động qua lại của các cảm giác
- b. Ngưỡng cảm giác
- c. Thích ứng của cảm giác
- d. Không đủ thông tin để xác định

Câu 72: “Khi đắp nước lạnh lên mặt thì độ tỉnh mắt của người phi công tăng lên” là biểu hiện quy luật nào ?

- a. Sự thích ứng của cảm giác
- b. Ngưỡng cảm giác
- c. Sự tác động lẫn nhau giữa các cảm giác
- d. Tất cả các đáp án trên

Câu 73: “Người công nhân đốt máy xe lửa hay thợ luyện kim có thể làm việc hàng giờ dưới nhiệt độ 50-60C ” thể hiện nội dung quy luật nào dưới đây:

- a. Quy luật về ngưỡng cảm giác
- b. Quy luật về sự thích ứng của cảm giác

- c. Quy luật về sự tác động qua lại giữa các cảm giác
- d. Tất cả các đáp án trên

Câu 74: Để khách hàng quan sát sản phẩm rõ nhất, độ cao được khuyến cáo đối với người châu Á không nên cao quá 1,5 m so với mặt đất. Khuyến cáo này được các chuyên gia quản trị học kinh doanh đề xuất đã dựa trên lý thuyết tâm lý nào trong tri giác:

- a. Tính trọn vẹn
- b. Tính bề ngoài của sự vật, hiện tượng
- c. Tính trực tiếp
- d. Tính tích cực, tự giác

Câu 75: Hãy giải thích yêu cầu trong nghề Sư phạm: “Mọi tác động trong dạy học và trong giáo dục phải đủ ngưỡng thì mới mang lại hiệu quả giáo dục” là ứng dụng qui luật nào của cảm giác ?

- a. Tác động qua lại của các cảm giác
- b. Ngưỡng cảm giác
- c. Thích ứng của cảm giác
- d. Không đủ thông tin để xác định

Câu 76: Quy luật nào của tri giác đã được sử dụng trong tình huống sau: khi muốn người sử dụng thang máy không có cảm giác chật, hẹp người kỹ sư đã lắp thêm gương bên trong thang máy.

- a. Quy luật về tính có ý nghĩa
- b. Quy luật ảo ảnh tri giác
- c. Quy luật tính lựa chọn
- d. Quy luật tổng giác

Câu 77: Hãy đánh dấu vào mệnh đề đúng với tư duy

- a. Xuất hiện khi tính bất định của tình huống có vấn đề ít (dữ liệu rõ ràng, đầy đủ)
- b. Xuất hiện khi tính bất định của tình huống có vấn đề lớn (dữ liệu không rõ ràng, không đầy đủ)
- c. Sáng tạo ra hình ảnh mới bằng các thủ thuật đặc biệt
- d. Sản phẩm tạo ra là các biểu tượng

Câu 78: Tìm dấu hiệu không phù hợp với quá trình tư duy của con người.

- a. Phản ánh những trải nghiệm của cuộc sống.
- b. Phản ánh hiện thực bằng con đường gián tiếp.
- c. Kết quả nhận thức mang tính khái quát.
- d. Diễn ra theo một quá trình.

Câu 79: Ý nào không phản ánh đúng vai trò của tư duy đối với con người?

- a. Giúp con người hành động có ý thức.
- b. Không bao giờ sai lầm trong nhận thức.
- c. Mở rộng vô hạn phạm vi nhận thức của con người.
- d. Giúp con người vượt khỏi sự thích nghi thụ động với môi trường.

Câu 80: Tư duy là quá trình phản ánh các thuộc tính như thế nào của sự vật, hiện tượng?

- a. Riêng lẻ bề ngoài
- b. Trọn vẹn bề ngoài
- c. Bản chất, mối liên hệ, quan hệ có tính quy luật mà ta đã biết
- d. Bản chất, mối liên hệ, quan hệ có tính quy luật mà trước đó ta chưa biết

Câu 81: Sản phẩm của quá trình tư duy là gì?

- a. Biểu tượng mới
- b. Biểu tượng đã có
- c. Hình ảnh
- d. Lập luận, phán đoán, suy luận

Câu 82: Trong quá trình tư duy nhằm xem xét sự đúng đắn của các giả thuyết để khẳng định (hoặc phủ định) giả thuyết là biểu hiện của giai đoạn nào:

- a. Xác định và biểu đạt vấn đề
- b. Xuất hiện các liên tưởng
- c. Sàng lọc liên tưởng và hình thành giả thuyết
- d. Kiểm tra giả thuyết

Câu 83: Tư duy khác tưởng tượng chủ yếu ở đặc điểm nào:

- a. Làm cho hoạt động con người có ý thức.
- b. Sự chặt chẽ trong cách giải quyết vấn đề.
- c. Liên quan đến nhận thức cảm tính.
- d. Cả a, b, c.

Câu 84: Bạn đang cố gắng sử dụng các định luật vật lý để chứng minh tại sao xe máy thường bị trượt ngã khi người lái phanh cứng bánh xe phía sau. Điều này phản ánh hiện tượng tâm lý nào dưới đây?

- a. Quá trình cảm giác
- b. Quá trình tri giác
- c. Quá trình tưởng tượng
- d. Quá trình tư duy

Câu 85: Trong hành động tư duy, việc thực hiện các thao tác (phân tích - tổng hợp; so sánh; trừu tượng hoá và khái quát hoá) thường diễn ra như thế nào?

- a. Linh hoạt tùy theo nhiệm vụ tư duy.
- b. Thực hiện các thao tác theo đúng một trình tự xác định như trên.
- c. Thực hiện đầy đủ các thao tác tư duy.
- d. Mỗi thao tác tiến hành độc lập, không phụ thuộc vào nhau.

Câu 86: Tư duy trực quan - hành động là loại tư duy giải quyết nhiệm vụ được thực hiện:

- a. Nhờ cải tổ thực tế tình huống bằng hành động vận động có thể quan sát được
- b. Nhờ cải tổ tình huống chỉ trên bình diện hình ảnh của sự vật hiện tượng
- c. Dựa trên sự sử dụng các khái niệm, các mối quan hệ logic và vận hành nhờ ngôn ngữ
- d. Tất cả các đáp án trên

Câu 87: Trẻ em làm toán bằng cách dùng tay di chuyển các que tính tương ứng với các dữ kiện của bài toán. Loại tư duy nào ở trẻ em đang sử dụng dưới đây:

- a. Tư duy trực quan hành động
- b. Tư duy trực quan hình ảnh
- c. Tư duy trừu tượng
- d. Tư duy thực hành

Câu 88: Một kỹ sư đang quan sát sơ đồ nguyên lý của một thiết bị để tìm ra nguyên nhân của sự cố đã xảy ra trên thiết bị, người kỹ sư đó đang sử dụng loại tư duy nào dưới đây:

- a. Tư duy trực quan hành động
- b. Tư duy trực quan hình ảnh
- c. Tư duy trừu tượng
- d. Tư duy lí luận

Câu 89: Học sinh đã không dùng đến thao tác tư duy nào trong trường hợp sau đây: Học sinh xếp cá voi vào loài cá vì sống ở dưới nước và có cùng chữ cá

- a. Thao tác phân tích
- b. Thao tác so sánh
- c. Thao tác trừu tượng hóa
- d. Thao tác tổng hợp

Câu 90: Có lần khi về nhà người mẹ đã nhận ra rằng cậu con trai nhỏ có hành động lặng lẽ và âm thầm một cách khác thường, bà liền nghĩ rằng nó bị ốm hay trở trò gì đây. Hãy xác định đặc điểm nào của quá trình tư duy được thể hiện trong ví dụ đã nói trên?

- a. Tính “có vấn đề” của tư duy
- b. Tính gián tiếp của tư duy
- c. Tính trực tiếp của tư duy
- d. Tính trừu tượng và khái quát của tư duy

Câu 91: Người ta đọc bài khóa hai lần cho học sinh nghe sau đó yêu cầu học sinh viết lại nội dung của tài liệu theo khả năng của mình? Những giờ học được mô tả trên đây có tác dụng giáo dục năng lực nào ở người học?

- a. Năng lực trí nhớ
- b. Năng lực tư duy
- c. Năng lực tưởng tượng
- d. Năng lực quan sát

Câu 92: Hãy đánh dấu vào mệnh đề đúng với tưởng tượng

- a. Tạo ra sản phẩm bằng cách sắp xếp các biểu tượng đã có theo một cấu trúc mới
- b. Tạo ra sản phẩm bằng cách sắp xếp các khái niệm theo một cấu trúc mới
- c. Sản phẩm phản ánh có tính chính xác, hợp lý và chặt chẽ cao
- d. Tìm ra cái mới bằng cách tiến hành các thao tác trí tuệ trải qua nhiều giai đoạn khác nhau

Câu 93. Tưởng tượng sáng tạo có đặc điểm:

- a. luôn tạo ra cái mới cho cá nhân và xã hội.
- b. luôn được thực hiện có ý thức.
- c. luôn có giá trị với xã hội.
- d. Cả a, b, c.

Câu 94: Robot lau nhà được trang bị cảm biến siêu âm và cảm biến tiệm cận giúp phát hiện và tránh vật cản trong lúc làm việc. Khi thiết kế, người kỹ sư đã dùng phương pháp sáng tạo nào là chủ yếu trong quá trình trình tưởng tượng?

- a. Thay đổi kích thước số lượng
- b. Liên hợp(đa năng)
- c. Loại suy(mô phỏng)
- d. Nhân mạnh

Câu 95: Xe tăng lội nước, thủy phi cơ, ô tô bay là những ý tưởng kỹ thuật nhân mạnh nhiều hơn đến cách tưởng tượng nào:

- a. Chắp ghép b. Diễn hình hóa
- c. Loại suy d. Liên hợp

Câu 96: Hình tượng Phật Bà Nghìn mắt Nghìn tay đã được con người tạo ra bằng cách (thủ thuật) sáng tạo trong quá trình trình tưởng tượng nào dưới đây. Hãy xác định cách sáng tạo hình ảnh mới cho phù hợp:

- a. Nhân mạnh
- b. Chắp ghép
- c. Thay đổi kích thước
- d. Diễn hình hóa

Câu 97: Hình ảnh “Nàng tiên cá”- một biểu tượng cho vẻ đẹp, quyến rũ của người phụ nữ đã được con người tạo ra bằng cách (thủ thuật) sáng tạo trong quá trình trình tưởng tượng nào dưới đây. Hãy xác định cách sáng tạo hình ảnh mới cho phù hợp:

- a. Nhân mạnh
- b. Diễn hình hóa
- c. Thay đổi kích thước
- d. Chắp ghép

Câu 98: “Quả cầu địa lý” mô phỏng Trái đất thường sử dụng làm giáo cụ trực quan trong các nhà trường, đã được con người tạo ra dựa theo cách (thủ thuật) sáng tạo trong quá trình tưởng tượng nào dưới đây. Hãy xác định cách sáng tạo hình ảnh mới cho phù hợp:

- a. Nhân mạnh
- b. Diễn hình hóa
- c. Thay đổi kích thước
- d. Chắp ghép

Câu 99: Nhân vật Chí Phèo đã được nhà văn Nam Cao xây dựng dựa theo cách sáng tạo trong tưởng tượng nào dưới đây:

- a. Nhân mạnh
- b. Diễn hình hóa
- c. Thay đổi kích thước
- d. Chắp ghép

Câu 100: Hình ảnh của tranh biếm họa đã được con người tạo ra bằng cách (thủ thuật) sáng tạo trong quá trình trình tưởng tượng nào dưới đây. Hãy xác định cách sáng tạo hình ảnh mới cho phù hợp:

- a. Nhấn mạnh
- b. Chắp ghép
- c. Liên hợp
- d. Diễn hình hóa